

THÔNG TIN TUYỂN SINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG NĂM 2026

(Cập nhật: 28/5/2026)

(Ban hành kèm theo [Quyết định số 314/QĐ-ĐHYTCC ngày 28 tháng 05 năm 2026](#))

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở đào tạo:** Trường Đại học Y tế công cộng
- Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh :** YTC
- Địa chỉ các trụ sở:** Số 1A, Đường Đức Thắng, Phường Đông Ngạc, Hà Nội
- Địa chỉ trang thông tin điện tử:** <https://huph.edu.vn/>
- Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:** 024.6266.2342

- Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; thông tin tuyển sinh:**

Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh: <https://huph.edu.vn/sites/qldt/c/quy-trinh-va-quy-dinh>

Địa chỉ công khai thông tin tuyển sinh: <https://tuyensinh.huph.edu.vn/>

- Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo**

<https://huph.edu.vn/sites/dbcl/ba-cong-khai-truong-dai-hoc-y-te-cong-cong-nam-2026>

7.1. Ngành đào tạo, chương trình đào tạo:

Hiện trường đang triển khai đào tạo 7 ngành trình độ đại học, 5 ngành trình độ thạc sĩ, 2 ngành trình độ tiến sĩ và 2 chương trình chuyên khoa.

Năm 2026 Nhà trường tuyển sinh 6 ngành trình độ đại học hình thức chính quy: Y tế công cộng, Dinh dưỡng, Công tác xã hội, Kỹ thuật phục hồi chức năng, Kỹ thuật xét nghiệm y học và Khoa học dữ liệu.

Địa chỉ công khai ngành đào tạo đại học hình thức chính quy: <https://huph.edu.vn/public/sites/dbcl/danh-muc-nganh-dao-tao-dai-hoc-cong-bo>

7.2. Đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý:

Địa chỉ công khai thông tin về đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý: <https://huph.edu.vn/sites/dbcl/ba-cong-khai-truong-dai-hoc-y-te-cong-cong-nam-2026>

7.3. Cơ sở vật chất:

Trường Đại học Y tế công cộng có trụ sở tại số 1A, phường Đông Ngạc, Hà Nội với cơ sở vật chất được xây dựng mới, trang thiết bị hiện đại đáp ứng tốt cho các chương trình đào tạo. Trường đã bố trí, sử dụng hợp lý, khai thác hiệu quả cơ sở vật chất như phòng thí nghiệm, phòng thực hành, thư viện, phòng học, phòng làm việc, ký túc xá, nhà tập, sân bãi với đầy đủ trang thiết bị dạy và học để phục vụ hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học, học tập và sinh hoạt của cán bộ, giảng viên và học viên, sinh viên.

Địa chỉ công khai thông tin về cơ sở vật chất: <https://huph.edu.vn/sites/dbcl/ba-cong-khai-truong-dai-hoc-y-te-cong-cong-nam-2026>

7.4. Quy mô đào tạo, tỷ lệ sinh viên có việc làm

Quy mô đào tạo của các ngành và tỷ lệ sinh viên có việc làm xem chi tiết tại <https://huph.edu.vn/post/thong-bao-ket-qua-khao-sat-tinh-hinh-viec-lam-cua-sinh-vien-tot-nghiep-nam-2024-khao-sat-nam-2025>

7.5. Kế hoạch tuyển sinh các ngành, hình thức, trình độ đào tạo.

Năm 2026, Nhà trường tuyển sinh 6 ngành trình độ đại học gồm Y tế công cộng, Dinh dưỡng, Công tác xã hội, Kỹ thuật phục hồi chức năng, Kỹ thuật xét nghiệm y học và Khoa học dữ liệu. Trường tổ chức xét tuyển theo các phương thức tuyển sinh: xét tuyển thẳng, xét chuyển vào học trình độ đại học đối với học sinh dự bị đại học, xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc THPT, xét tuyển dựa trên kết quả thi THPT năm 2026, Xét tuyển dựa vào kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc Gia Hà Nội năm 2026 (chỉ áp dụng với ngành khoa học dữ liệu).

Đối với tuyển sinh đại học hình thức vừa làm vừa học, Nhà trường tuyển sinh các ngành Y tế công cộng, Dinh dưỡng, Kỹ thuật phục hồi chức năng, Kỹ thuật xét nghiệm y học bằng phương thức xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc THPT.

Đối với tuyển sinh sau đại học, Trường Đại học Y tế công cộng hiện đang tuyển sinh 5 ngành trình độ thạc sĩ, 2 ngành trình độ tiến sĩ và 2 chương trình chuyên khoa.

Thông tin chi tiết xem tại: <https://huph.edu.vn/sites/qldt/thong-bao-tuyen-sinh-cac-chuong-trinh-dao-tao-nam-2026>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC HÌNH THỨC CHÍNH QUY

1. Người dự tuyển, điều kiện dự tuyển

- Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT), trung học nghề của Việt Nam hoặc của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với THPT, trung học nghề của Việt Nam do các đơn vị chức năng xác định.
- Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

- Đạt ngưỡng đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo tương ứng (nếu có), theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của trường Đại học Y tế công cộng.
- Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành.
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

2. **Mô tả phương thức tuyển sinh** (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển...)

Trường tổ chức xét tuyển với các phương thức tuyển sinh sau:

- Xét tuyển thẳng: 6 ngành gồm Y tế công cộng, Dinh dưỡng, Công tác xã hội, Kỹ thuật phục hồi chức năng, Kỹ thuật xét nghiệm y học và Khoa học dữ liệu.
- Xét chuyển vào học trình độ đại học đối với học sinh dự bị đại học: 6 ngành gồm Y tế công cộng, Dinh dưỡng, Công tác xã hội, Kỹ thuật phục hồi chức năng, Kỹ thuật xét nghiệm y học và Khoa học dữ liệu.
- Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT 2026: 6 ngành gồm Y tế công cộng, Dinh dưỡng, Công tác xã hội, Kỹ thuật phục hồi chức năng, Kỹ thuật xét nghiệm y học và Khoa học dữ liệu.
- Xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc THPT: 4 ngành gồm Y tế công cộng, Dinh dưỡng, Công tác xã hội và Khoa học dữ liệu.
- Xét tuyển dựa vào kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc Gia Hà Nội năm 2026: chỉ áp dụng cho ngành Khoa học dữ liệu.

3. **Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh**

Nhà trường sử dụng dữ liệu điểm thi tốt nghiệp THPT làm gốc để xây dựng quy tắc quy đổi tương đương. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các phương thức tuyển sinh Nhà trường sẽ công bố vào ngày công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo kế hoạch của Bộ Giáo dục & Đào tạo (dự kiến trước 17h ngày 10/7/2026).

4. **Số lượng tuyển sinh**

Địa chỉ đào tạo: Số 1A, Đường Đức Thắng, Phường Đông Ngạc, Hà Nội

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh năm 2026

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh dự kiến	Phương thức tuyển sinh	Tổ hợp môn xét tuyển
1	7720701	Y tế công cộng	7720701	Y tế công cộng	220	Xét tuyển thẳng	
						Xét chuyển vào học trình độ đại học đối với học sinh dự bị đại học	B00: Toán - Hóa học - Sinh học B03: Toán - Sinh học - Ngữ văn
						Xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc THPT	B08: Toán - Sinh học - Tiếng Anh C02: Toán - Ngữ văn - Hóa học
						Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT 2026	D01: Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh D13: Ngữ văn - Sinh học - Tiếng Anh
2	7720401	Dinh dưỡng	7720401	Dinh dưỡng	130	Xét tuyển thẳng	
						Xét chuyển vào học trình độ đại học đối với học sinh dự bị đại học	B00: Toán - Hóa học - Sinh học

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh dự kiến	Phương thức tuyển sinh	Tổ hợp môn xét tuyển
						Xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc THPT	B03: Toán - Sinh học - Ngữ Văn B08: Toán - Sinh học - Tiếng Anh
						Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT 2026	C02: Toán - Ngữ văn - Hóa học D01: Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh D07: Toán - Hóa học - Tiếng Anh
3	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	230	Xét tuyển thẳng	
						Xét chuyển vào học trình độ đại học đối với học sinh dự bị đại học	A00: Toán - Vật lý - Hóa học A01: Toán - Vật lý - Tiếng Anh
						Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT 2026	B00: Toán - Hóa học - Sinh học B08: Toán - Sinh học - Tiếng Anh C01: Toán - Vật lý - Ngữ văn D01: Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh dự kiến	Phương thức tuyển sinh	Tổ hợp môn xét tuyển
4	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng	145	Xét tuyển thẳng	
						Xét chuyển vào học trình độ đại học đối với học sinh dự bị đại học	A00: Toán - Vật lý - Hóa học A01: Toán - Vật lý - Tiếng Anh
						Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT 2026	B00: Toán - Hóa học - Sinh học B03: Toán - Sinh học - Ngữ văn C01: Toán - Vật lý - Ngữ văn D01: Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh
5	7760101	Công tác xã hội	7760101	Công tác xã hội	105	Xét tuyển thẳng	
						Xét chuyển vào học trình độ đại học đối với học sinh dự bị đại học	C00: Ngữ văn - Lịch sử - Địa lý C20: Ngữ văn - Địa lý - Giáo dục công dân

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh dự kiến	Phương thức tuyển sinh	Tổ hợp môn xét tuyển
						Xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc THPT	D01: Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh D14: Ngữ văn - Lịch sử - Tiếng Anh D15: Ngữ văn - Địa lý - Tiếng Anh
						Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT 2026	D66: Ngữ văn - Giáo dục công dân - Tiếng Anh X74: Ngữ văn - Địa lý - Giáo dục Kinh tế và pháp luật X78: Ngữ văn - Giáo dục Kinh tế và pháp luật - Tiếng Anh
6	7460108	Khoa học dữ liệu	7460108	Khoa học dữ liệu	60	Xét tuyển thẳng	
						Xét tuyển dựa trên kết quả đánh giá năng lực của Đại học Quốc Gia năm 2026	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh dự kiến	Phương thức tuyển sinh	Tổ hợp môn xét tuyển
						Xét chuyên vào học trình độ đại học đối với học sinh dự bị đại học	A00: Toán - Vật lý - Hóa học A01: Toán - Vật lý - Tiếng Anh
						Xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc THPT	B00: Toán - Hóa học - Sinh học D01: Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh
						Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT 2026	D07: Toán - Hóa học - Tiếng Anh X26: Toán - Tin học - Tiếng Anh

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

- Mã trường: YTC
- Trường Đại học Y tế công cộng không quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp đối với các thí sinh đăng ký xét tuyển cùng một ngành học.
- Trường Đại học Y tế công cộng không sử dụng điểm thi được bảo lưu từ các kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông quốc gia các năm trước.
- Thí sinh sử dụng hồ sơ, văn bằng, chứng chỉ Tiếng Anh giả để đăng ký xét tuyển đại học, thí sinh sẽ bị buộc thôi học; văn bằng tốt nghiệp nếu đã được cấp sẽ bị thu hồi, huỷ bỏ.

5.1. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với từng phương thức xét tuyển sẽ được công bố theo kế hoạch của Bộ Giáo dục & Đào tạo (dự kiến trước 17h ngày 10/7/2026).

5.2. Quy đổi điểm chứng chỉ Tiếng Anh

- Thí sinh có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế IELTS (academic) và TOEFL iBT được các tổ chức quốc tế cấp còn hiệu lực trong thời gian 02 năm, tính từ ngày cấp đến thời điểm đăng ký xét tuyển trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GD&ĐT (còn hiệu lực ít nhất đến ngày 02/7/2026) có thể:
- Quy đổi thành điểm môn tiếng Anh với các tổ hợp có môn tiếng Anh khi xét tuyển theo điểm thi tốt nghiệp THPT 2026.
- Hoặc được cộng điểm khuyến khích khi xét tuyển theo các phương thức xét tuyển dựa trên kết quả học tập cấp THPT, xét chuyển vào học trình độ đại học đối với học sinh dự bị đại học, kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 và kết quả đánh giá năng lực của ĐHQG Hà Nội năm 2026.

Lưu ý: Đối với thí sinh sử dụng chứng chỉ Tiếng Anh để quy đổi thành điểm môn Tiếng Anh trong tổ hợp xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026, sẽ không áp dụng cộng điểm khuyến khích đối với tổ hợp xét tuyển đó.

* Nơi cấp chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế:

Chứng chỉ	Đơn vị cấp chứng chỉ
IELTS (academic)	<ul style="list-style-type: none"> • British Council (BC) • International Development Program (IDP)
TOEFL iBT	Educational Testing Service (ETS)

- Điểm khuyến khích chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế áp dụng cho cả 6 ngành tuyển sinh năm 2026.
- Điểm khuyến khích tối đa 1,50 điểm (theo thang điểm 30) và 7,50 điểm (theo thang điểm 150).

Bảng 2. Bảng quy đổi tương đương điểm chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế

IELTS (Academic)	TOEFL iBT (không chấp nhận chứng chỉ TOEFL iBT thi online (Home Edition))	Điểm quy đổi thang 10	Điểm khuyến khích thang 30	Điểm khuyến khích thang 150

5.0	30-45	8.0	0.3	1.5
5.5	46-61	8.5	0.6	3
6.0	62-77	9.0	0.9	4.5
6.5	78-93	9.5	1.2	6
7.0-9.0	94-120	10	1.5	7.5

Hồ sơ chứng chỉ Tiếng Anh bao gồm: Danh mục hồ sơ và 01 bản sao công chứng Căn cước công dân và Chứng chỉ Tiếng Anh còn hiệu lực tính đến ngày 02/7/2026.

Thí sinh nộp hồ sơ chứng chỉ Tiếng Anh trước 17h ngày 20/6/2026 qua đường bưu điện đến địa chỉ: Phòng Quản lý Đào tạo - A110, Trường Đại học Y tế công cộng, số 1A Đức Thắng, phường Đông Ngạc, Hà Nội, số điện thoại: 02462662342.

5.3. Tiêu chí xét tuyển

- Điểm trúng tuyển của các phương thức: xét chuyên vào học trình độ đại học đối với học sinh dự bị đại học, xét tuyển dựa vào kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc Gia Hà Nội năm 2026, xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc THPT sẽ được quy đổi tương đương theo phương thức xét tuyển dựa trên kết quả thi THPT năm 2026. Nguyên tắc quy đổi tương đương sẽ công bố vào ngày công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo kế hoạch của Bộ Giáo dục & Đào tạo (dự kiến trước 17h ngày 10/7/2026).
- Điểm xét tuyển được làm tròn đến 2 chữ số thập phân sau dấu phẩy;
- Xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.
- Trong trường hợp có nhiều thí sinh cùng thỏa mãn các tiêu chí xét tuyển trên và vượt quá chỉ tiêu của nhà trường, tiêu chí ưu tiên xét tuyển là:
- Ưu tiên đối với thí sinh có điểm khuyến khích thấp hơn;
- Ưu tiên thí sinh có nguyện vọng cao hơn (trong đó nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất).
- Ưu tiên thí sinh nữ theo quy định tại khoản 4, điều 16, Nghị định số 48/2009/NĐ-CP về các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới.
- Các trường hợp phát sinh khác sẽ do Hội đồng tuyển sinh quyết định.

5.3.1. Phương thức xét tuyển thẳng: xem mục 7.2

5.3.2. Phương thức xét chuyển vào học trình độ đại học đối với học sinh dự bị đại học

- Điểm xét tuyển được tính trên thang điểm 30

Điểm xét tuyển = [Điểm Môn 1 + Điểm Môn 2 + Điểm Môn 3 + Điểm khuyến khích (nếu có)] + Điểm ưu tiên (nếu có)

Trong đó:

- Điểm môn là điểm tổng kết thi cuối khóa của các môn bồi dưỡng dự bị đại học theo tổ hợp xét tuyển.
- **Điểm khuyến khích** theo thang điểm 30, quy định tại bảng 2;
- Khi [**Điểm Môn 1 + Điểm Môn 2 + Điểm Môn 3 + Điểm khuyến khích (nếu có)**] vượt qua 30 điểm sẽ quy về 30 điểm;
- Điểm ưu tiên là điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định của Bộ GDĐT, giảm dần khi [**Điểm Môn 1 + Điểm Môn 2 + Điểm Môn 3 + Điểm khuyến khích (nếu có)**] từ 22,5 điểm trở lên theo quy chế tuyển sinh trình độ đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

5.3.3. Phương thức xét tuyển: Xét tuyển dựa vào kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc Gia Hà Nội năm 2026 chỉ áp dụng với ngành **Khoa học dữ liệu**

- Điểm xét tuyển được tính trên thang điểm 150.

Điểm xét tuyển = [Tổng điểm thi đánh giá năng lực + Điểm khuyến khích (nếu có)] + Điểm ưu tiên (nếu có)

Trong đó:

- **Điểm khuyến khích** theo thang điểm 150, quy định tại bảng 2;
- Khi [**Tổng điểm thi đánh giá năng lực + Điểm khuyến khích (nếu có)**] vượt qua 150 điểm sẽ quy về 150 điểm;
- Điểm ưu tiên là điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy về thang điểm 150, giảm dần khi [**Tổng điểm thi đánh giá năng lực + Điểm khuyến khích (nếu có)**] từ 112,5 trở lên theo quy chế tuyển sinh trình độ đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

5.3.4. Phương thức xét tuyển: Xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc THPT (trừ ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học và Kỹ thuật phục hồi chức năng)

- Điểm xét tuyển được tính trên thang điểm 30

Điểm xét tuyển = [Điểm TB Môn 1 + Điểm TB Môn 2 + Điểm TB Môn 3 + Điểm khuyến khích (nếu có)] + Điểm ưu tiên (nếu có)

Trong đó:

- Điểm TB môn là điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11, 12 của các môn trong tổ hợp xét tuyển.
- **Điểm khuyến khích** theo thang điểm 30, quy định tại bảng 2;
- Khi **[Điểm TB Môn 1 + Điểm TB Môn 2 + Điểm TB Môn 3 + Điểm khuyến khích (nếu có)]** vượt qua 30 điểm sẽ quy về 30 điểm;
- Điểm ưu tiên là điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định của Bộ GDĐT, giảm dần khi **[Điểm TB Môn 1 + Điểm TB Môn 2 + Điểm TB Môn 3 + Điểm khuyến khích (nếu có)]** từ 22,5 điểm trở lên theo quy chế tuyển sinh trình độ đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

5.3.5. Phương thức xét tuyển: Xét tuyển dựa trên kết quả thi THPT năm 2026

- Điểm xét tuyển được tính trên thang điểm 30

Điểm xét tuyển = [Điểm Môn 1 + Điểm Môn 2 + Điểm Môn 3 + Điểm khuyến khích (nếu có)] + Điểm ưu tiên (nếu có)

Trong đó:

- **Điểm khuyến khích** theo thang điểm 30, quy định tại bảng 2;
- Khi **[Điểm Môn 1 + Điểm Môn 2 + Điểm Môn 3 + Điểm khuyến khích (nếu có)]** vượt qua 30 điểm sẽ quy về 30 điểm;
- Điểm ưu tiên là điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định của Bộ GDĐT, giảm dần khi **[Điểm Môn 1 + Điểm Môn 2 + Điểm Môn 3 + Điểm khuyến khích (nếu có)]** từ 22,5 điểm trở lên theo quy chế tuyển sinh trình độ đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

6. Tổ chức tuyển sinh

6.1. Đợt 1

6.1.1. Phương thức 1 xét tuyển thẳng:

- Ngành áp dụng: Y tế công cộng, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Dinh dưỡng, Công tác xã hội, Kỹ thuật phục hồi chức năng và Khoa học dữ liệu.
- Cách thức đăng ký xét tuyển: thí sinh nộp hồ sơ về trường theo 1 trong 2 hình thức sau:
+ Gửi hồ sơ qua đường bưu điện

+ Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trường Đại học Y tế công cộng

- Thời hạn đăng ký xét tuyển tại trường Đại học Y tế công cộng: trước 17h ngày 20/6/2026 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Thời gian công bố kết quả đủ điều kiện trúng tuyển: chậm nhất là ngày 30/6/2026.
- Thời gian đăng ký xét tuyển: từ ngày 02/7/2026 đến 17h ngày 14/7/2026 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Thời gian công bố kết quả trúng tuyển: trước 17h ngày 13/8/2026.
- Thời gian xác nhận nhập học trực tuyến trên hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nhập học tại trường: trước 17h00 ngày 21/8/2026.

6.1.2. Phương thức 2 xét chuyển vào học trình độ đại học đối với học sinh dự bị đại học:

- Ngành áp dụng: Y tế công cộng, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Dinh dưỡng, Công tác xã hội, Kỹ thuật phục hồi chức năng và Khoa học dữ liệu.
- Cách thức đăng ký xét tuyển: thí sinh nộp hồ sơ về trường theo 1 trong 2 hình thức sau:

+ Gửi hồ sơ qua đường bưu điện

+ Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trường Đại học Y tế công cộng

- Thời hạn đăng ký xét tuyển tại trường Đại học Y tế công cộng: trước 17h ngày 20/6/2026 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Thời gian đăng ký xét tuyển: từ ngày 02/7/2026 đến 17h ngày 14/7/2026 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Thời gian công bố kết quả trúng tuyển: trước 17h ngày 13/8/2026.
- Thời gian xác nhận nhập học trực tuyến trên hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nhập học tại trường: trước 17h00 ngày 21/8/2026.

6.1.3. Phương thức 3 xét tuyển dựa vào kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc Gia Hà Nội năm 2026

- Ngành áp dụng: Khoa học dữ liệu
- Cách thức đăng ký xét tuyển: Đăng ký xét tuyển trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Cổng dịch vụ công quốc gia.
- Thời gian đăng ký xét tuyển: từ ngày 02/7/2026 đến 17h ngày 14/7/2026 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Thời gian công bố kết quả trúng tuyển: trước 17h ngày 13/8/2026.

- Thời gian xác nhận nhập học trực tuyến trên hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nhập học tại trường: trước 17h00 ngày 21/8/2026.

6.1.4. Phương thức 4 xét tuyển dựa vào kết quả học tập bậc THPT

- Ngành áp dụng: Y tế công cộng, Dinh dưỡng, Công tác xã hội và Khoa học dữ liệu
- Cách thức đăng ký xét tuyển: Đăng ký xét tuyển trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Cổng dịch vụ công quốc gia.
- Thời gian đăng ký xét tuyển: từ ngày 02/7/2026 đến 17h ngày 14/7/2026 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Thời gian công bố kết quả trúng tuyển: trước 17h ngày 13/8/2026.
- Thời gian xác nhận nhập học trực tuyến trên hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nhập học tại trường: trước 17h00 ngày 21/8/2026.

6.1.5. Phương thức 5: xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026

- Ngành áp dụng: Y tế công cộng, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Dinh dưỡng, Công tác xã hội, Kỹ thuật phục hồi chức năng và Khoa học dữ liệu.
- Cách thức đăng ký xét tuyển: Đăng ký xét tuyển trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Cổng dịch vụ công quốc gia.
- Thời gian đăng ký xét tuyển: từ ngày 02/7/2026 đến 17h ngày 14/7/2026 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Thời gian công bố kết quả trúng tuyển: trước 17h ngày 13/8/2026.
- Thời gian xác nhận nhập học trực tuyến trên hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nhập học tại trường: trước 17h00 ngày 21/8/2026.

6.2. Đợt 2 (nếu còn chỉ tiêu)

- Ngành áp dụng: sẽ áp dụng đối với các ngành còn chỉ tiêu.
- Cách thức đăng ký xét tuyển: Thí sinh nộp hồ sơ về trường theo một trong ba hình thức sau:

+ Đăng ký trực tuyến tại: <https://tuyensinhdaihoc.huph.edu.vn/>

+ Gửi hồ sơ qua đường bưu điện

+ Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trường Đại học Y tế công cộng (thí sinh nộp hồ sơ vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần).

- Thời gian nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển: dự kiến đến 17h ngày 20/9/2026.

- Thời gian công bố kết quả trúng tuyển: dự kiến 25/9/2026.
- Thời gian xác nhận nhập học: dự kiến từ ngày 28/9/2026 đến 17h ngày 02/10/2026.

6.3. Đợt 3 (nếu còn chỉ tiêu)

- Ngành áp dụng: sẽ áp dụng đối với các ngành còn chỉ tiêu.
- Cách thức đăng ký xét tuyển: Thí sinh nộp hồ sơ về trường theo một trong ba hình thức sau:

+ Đăng ký trực tuyến tại: <https://tuyensinhdaihoc.huph.edu.vn/>

+ Gửi hồ sơ qua đường bưu điện.

+ Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trường Đại học Y tế công cộng (thí sinh nộp hồ sơ vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần).

- Thời gian nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển: dự kiến đến 17h ngày 20/10/2026.
- Thời gian công bố kết quả trúng tuyển: dự kiến 26/10/2026.
- Thời gian xác nhận nhập học: dự kiến đến trước 17h ngày 01/11/2026.

7. Chính sách ưu tiên

7.1. Chính sách ưu tiên: Theo quy định tại Quy chế tuyển sinh trình độ đại học, cao đẳng giáo dục mầm non và các hướng dẫn hiện hành của Bộ Giáo dục và đào tạo.

7.2. Xét tuyển thẳng:

Hồ sơ xét tuyển: Theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo

Bảng 3. Đối tượng, ngành xét tuyển thẳng

STT	Đối tượng	Ngành xét tuyển thẳng
1	<p>Thí sinh đạt các giải sau và có thời gian đạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế + Đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia và đạt 	<p><i>Ngành xét tuyển thẳng căn cứ vào hồ sơ của thí sinh đăng ký</i></p>

STT	Đối tượng	Ngành xét tuyển thẳng
	ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của chương trình đào tạo.	
1.1	Thí sinh đạt giải Toán học, Hóa học, Sinh học, Tiếng Anh	<ul style="list-style-type: none"> • Y tế công cộng - 7720701 • Kỹ thuật xét nghiệm y học- 7720601 • Dinh dưỡng - 7720401 • Công tác xã hội -7760101 • Kỹ thuật phục hồi chức năng- 7720603 • Khoa học dữ liệu - 7460108
1.2	Thí sinh đạt giải Ngữ Văn	<ul style="list-style-type: none"> • Y tế công cộng - 7720701 • Dinh dưỡng - 7720401 • Công tác xã hội -7760101 • Kỹ thuật phục hồi chức năng- 7720603 • Khoa học dữ liệu - 7460108
1.3	Thí sinh đạt giải Vật lý	<ul style="list-style-type: none"> • Kỹ thuật xét nghiệm y học - 7720601 • Kỹ thuật phục hồi chức năng - 7720603 • Khoa học dữ liệu - 7460108
1.4	Thí sinh đạt giải Lịch sử	<ul style="list-style-type: none"> • Công tác xã hội -7760101
1.5	Thí sinh đạt giải Địa lý	<ul style="list-style-type: none"> • Công tác xã hội -7760101

STT	Đối tượng	Ngành xét tuyển thẳng
2	Hội đồng tuyển sinh đại học trường ĐHYTCC căn cứ kết quả học tập cấp THPT của thí sinh và yêu cầu của chương trình đào tạo để xem xét từng trường hợp cụ thể, đề xuất với hiệu trưởng hoặc phó hiệu trưởng được uỷ quyền ban hành quyết định nhận vào học những trường hợp quy định dưới đây:	<i>Ngành xét tuyển thẳng căn cứ vào hồ sơ của thí sinh đăng ký</i>
2.1	Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc	Áp dụng tất cả các ngành
2.2	Thí sinh là người nước ngoài đã đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo phù hợp với quy định của Bộ GDĐT	Áp dụng tất cả các ngành
2.3	Thí sinh là người Việt Nam học tập cấp THPT, trung học nghề ở nước ngoài hoặc học tập chương trình giáo dục nước ngoài bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam đạt trình độ tương đương với trình độ THPT, trung học nghề của Việt Nam và đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo phù hợp với quy định của Bộ GDĐT.	Áp dụng tất cả các ngành
2.4	Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ.	Áp dụng tất cả các ngành

STT	Đối tượng	Ngành xét tuyển thẳng
2.5	Thí sinh là người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định; có khả năng theo học một số chương trình đào tạo do cơ sở đào tạo quy định nhưng không có khả năng dự tuyển theo phương thức tuyển sinh bình thường.	Áp dụng tất cả các ngành

8. Lệ phí xét tuyển

Theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo

9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh (Giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, trách nhiệm giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh)

Nhà trường cam kết hỗ trợ thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro và hỗ trợ giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh.

10. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)

10.1. Thông tin về học phí

Bảng 4. Học phí dự kiến năm học 2026-2027

STT	Nội dung	Dự kiến học phí năm học 2026-2027 (đồng/năm)
I	Cử nhân chính quy Y tế công cộng	
1	CNCQ YTCC25-1A	30.590.000
II	Cử nhân chính quy Kỹ thuật xét nghiệm y học	
1	CNCQ KTXNYH13-1A	38.570.000

STT	Nội dung	Dự kiến học phí năm học 2026-2027 (đồng/năm)
III	Cử nhân chính quy Dinh dưỡng	
1	CNCQDD10-1A	30.590.000
IV	Cử nhân chính quy Công tác xã hội	
1	CNCQCTXH10-1A	21.010.000
V	Cử nhân chính quy Kỹ thuật phục hồi chức năng	
1	CNCQKTPHCN7-1A	38.570.000
VI	Cử nhân chính quy Khoa học dữ liệu	
1	CNCQKHDL5-1A	29.260.000
VII	Môn giáo dục quốc phòng	1.200.000đ/môn

Lưu ý: Tổng học phí năm học 2026-2027 của từng sinh viên sẽ phụ thuộc vào số tín chỉ sinh viên đăng ký trong năm học 2026-2027.

Lộ trình tăng học phí theo quy định tại Nghị định 238/2025/NĐ-CP. Khi các cơ quan có thẩm quyền có thay đổi thì nhà trường sẽ điều chỉnh và thông báo cho người học.

10.2. Thông tin về tài chính

- Tổng nguồn thu hợp pháp/năm dự kiến của trường: 151 tỷ đồng
- Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh ước tính: 28 triệu đồng/sinh viên/năm

10.3. Thông tin về chính sách học bổng

Nhà trường thực hiện chính sách học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên theo Quy định tại Nghị định 84/NĐ-CP ngày 17/7/2020 Quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục. Về đối tượng, mức học bổng, nguồn học bổng, trình tự xét, cấp học bổng được xét cụ thể theo Điều 8 của Nghị định này. Nhà trường xét học bổng khuyến khích học tập 2 lần/năm học cho sinh viên chương trình đào tạo cử nhân chính quy.

Các loại học bổng cho sinh viên cử nhân chính quy gồm: Học bổng Đồng hành cùng sinh viên (cấp cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, có thành tích trong học tập), được trích từ Quỹ học bổng Đồng hành cùng sinh viên của Trường. Đối tượng được xét cấp là sinh viên có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập. Học bổng được trao 2 lần/năm học, giá trị 5 triệu đồng/suất học bổng. Ngoài ra, Nhà trường có các học bổng tài trợ từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài Trường dành cho các đối tượng sinh viên khác nhau. Tùy theo tiêu chí của từng loại học bổng, Nhà trường sẽ tiến hành xét và cấp phù hợp.

Chi tiết quy định học bổng, khen thưởng người học trường Đại học Y tế công cộng xem tại <https://huph.edu.vn/sites/cthssv/quy-dinh-hoc-bong-khen-thuong-nguoi-hoc-truong-dai-hoc-y-te-cong-cong>

10.4. Thông tin về miễn giảm học phí

Nhà trường thực hiện việc miễn giảm học phí cho sinh viên căn cứ theo Nghị định Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Căn cứ Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ v/v Phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 và căn cứ Quyết định số 698/QĐ-TTg ngày 19/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ v/v Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung và hiệu chỉnh danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025. Nhà trường thực hiện theo quy trình sau: Người học cần chuẩn bị hồ sơ để đề nghị miễn giảm học phí, bao gồm đơn xin miễn giảm, giấy tờ chứng minh đối tượng đủ điều kiện. Nộp hồ sơ tới bộ phận phụ trách miễn giảm học phí của trường theo quy định thời gian. Nhà trường thực hiện xét duyệt, thông báo kết quả cho sinh viên và cập nhật thông tin lên phần mềm quản lý.

Quy trình miễn giảm học phí xem chi tiết tại: <https://huph.edu.vn/sites/cthssv/quy-trinh-mien-giam-hoc-phi>

10.5. Thông tin về ký túc xá

Căn cứ Thông tư số 27/2011/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên nội trú tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; căn cứ Quyết định 1797/QĐ- ĐHYTCC ngày 14/8/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y tế công cộng về việc ban hành Quy chế quản lý người học nội trú,

nhà trường thực hiện bố trí sinh viên vào ở ký túc xá theo thứ tự ưu tiên và quản lý sinh viên nội trú theo đúng quy định ban hành.

Quy trình đăng ký ký túc xá xem chi tiết tại: <https://huph.edu.vn/sites/cthssv/quy-trinh-quan-ly-sinh-vien-noi-ngoai-tru>